TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **651** /2023/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông ***Đặng Hoàng P***

Các Hội thẩm nhân dân: Bà ***Nguyễn Thị Huyền N***

Bà ***Nguyễn Thị Xuân P***

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông ***Ngô Hoàng H***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố H tham gia phiên tòa*: Ông* ***Lưu Thế T*** *- Kiểm sát viên.*

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số **403**/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **141**/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số **120**/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2023 giữa:

- ***Nguyên đơn*****:** Ông **Nguyễn Văn M -** sinh năm 1976 *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*; HKTT: Số 14 ngõ L, phố Đ, phường T, quận H, thành phố H; nơi ở: Số 153 ngõ T, phường T, quận H, thành phố H.

- ***Bị đơn***: Bà **Nguyễn Thị Hồng H -** sinh năm 1981 *(Vắng mặt)*; HKTT: Số 29A phố C, phường T, quận B, thành phố H; nơi ở: Số 153 ngõ T, phường T, quận H, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Hồng H xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/01/2002 tại UBND phường T, quận H, thành phố H. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại số 14 ngõ L, phố Đ, phường T, quận H, H. Năm 2020, ông bà chuyển về sinh sống, ăn ở tại số 153 ngõ T, phường T, quận H, H. Ông bà chung sống bình thường đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do bà H không tôn trọng ông và gia đình ông, không có trách nhiệm chăm lo cuộc sống chung, không chăm sóc mẹ đẻ ông lúc ốm đau, bỏ mặc mọi công việc gia đình, giỗ Tết cho ông phải một mình tự xoay sở lo liệu. Ông đã nhiều lần góp ý,

động viên bà H sửa chữa, khắc phục những khuyết điểm trong đối nhân xử thế, nhưng bà H không tiếp thu dẫn đến cuộc sống chung thường xuyên lâm vào tình trạng căng thẳng. Mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm vào năm 2021, do không chịu đựng nổi lối sống ích kỷ, vô cảm của bà H nên ông đã phải đưa mẹ đẻ ra ngoài thuê nhà ở, không chung sống cùng bà H. Ông bà chính thức ly thân từ cuối năm 2021, không ai quan tâm đến ai. Bà H và các con chung của ông bà tiếp tục ở lại căn nhà số 153 ngõ T từ đó cho đến nay. Ông đã nhiều lần cố gắng tìm cách nói chuyện thẳng thắn với bà Hoa để vợ chồng thuận tình ly hôn, nhưng bà H không hợp tác. Nay ông xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, ông kiên quyết xin ly hôn với bà H để thanh thản sống nốt quãng đời còn lại.

- Về con chung: Ông bà có hai con chung là Nguyễn Hồng A - sinh năm 2002 (Nữ), đã thành niên và Nguyễn Mạnh Đ - sinh ngày 23/10/2005 (Nam). Sau khi ly hôn, cháu Đ muốn ở với ai là quyền của cháu. Trường hợp cháu Đ có nguyện vọng sống cùng bà H, ông sẽ cấp dưỡng nuôi con cho bà H theo quy định của pháp luật. Trường hợp cháu Đ muốn sống cùng ông, ông không yêu cầu bà H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông. Hiện ông đang làm giáo viên lái xe của VOV, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng chẵn*)/ tháng, ông có đủ khả năng và điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng H để bà H biết những vấn đề cụ thể mà ông M yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời triệu tập bà H đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, bà Hoa không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông M, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố. Tòa án đã tống đạt, niêm yết công khai Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà H không tham gia phiên họp. Tòa án đã tống đạt, niêm yết công khai Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên tòa cho bà H. Tại phiên tòa lần đầu ngày 06/9/2023, bà H vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và quyết định mở lại phiên tòa vào ngày 25/9/2023.

Tại phiên tòa ngày 25/9/2023, nguyên đơn là ông M có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên toàn bộ ý kiến, quan điểm đã trình bày. Bị đơn là bà H tiếp tục vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H phát biểu ý kiến:

** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ

khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về việc giải quyết vụ án:* Về quan hệ hôn nhân, ông M và bà H xây dựng gia đình tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/01/2002 tại UBND phường T, quận H, thành phố Hà Nội, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn do hai bên không có lòng tin và sự yêu thương tôn trọng lẫn nhau, không có trách nhiệm với cuộc sống gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông bà đã ly thân từ năm 2021, tình cảm vợ chồng không còn. Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ông M đối với bà H. Về con: Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Hồng A - sinh năm 2002 (Nữ), đã thành niên và Nguyễn Mạnh Đ - sinh ngày 23/10/2005 (Nam). Sau khi ly hôn, giao cháu Đ (có nguyện vọng được sống cùng mẹ) cho bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho bà H theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn M khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng H, có nơi cư trú tại số 153 ngõ T, phường T, quận H, thành phố H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố H.

Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Bị đơn đã được Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng cố tình không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Toà án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông M đối với bà H, nhận thấy: Ông M và bà H xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/01/2002 tại UBND phường T, quận H, thành phố H. Đây là hôn nhân hợp pháp. Ông bà chung sống bình thường đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong đối nhân xử thế, hai bên không có sự yêu thương, tin tưởng, tôn trọng và quan tâm đến nhau, không cùng nhau chia sẻ trách nhiệm chăm lo cuộc sống gia đình, bảo ban dạy dỗ con cái, dẫn đến cuộc sống chung thường xuyên lâm vào tình trạng căng thẳng, không có hạnh phúc. Mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm vào năm 2021, khi ông M phải đưa mẹ đẻ ông là cụ Nguyễn Thị T ra ngoài thuê nhà ở, không chung

sống cùng bà H. Ông bà chính thức ly thân từ cuối năm 2021, không ai quan tâm đến ai. Bà H và các con chung của ông bà tiếp tục ở lại căn nhà số 153 ngõ T từ đó cho đến nay. Ông M đã cố gắng thuyết phục bà H thuận tình ly hôn, nhưng bà H không hợp tác, không đến Tòa án để hòa giải, bỏ mặc hậu quả của việc ly hôn. Qua đó thể hiện mâu thuẫn của vợ chồng ông bà đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Bà H và các con hiện đang ăn ở, sinh sống tại 153 ngõ T, phường T, quận H, thành phố H. Do mâu thuẫn vợ chồng nên ông M đã chuyển ra ngoài ở từ năm 2021. Nay ông M có yêu cầu ly hôn địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Ông bà có hai con chung, trong đó cháu lớn đã thành niên, sau khi ly hôn việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của trẻ. Về tài sản chung, nhà ở chung của ông bà, chính quyền không nắm được. Xét thấy: Ông M và bà H đã không sống chung từ năm 2021 đến nay, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình là thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Như vậy, có đủ cơ sở cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông M và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông M đối với bà H.

Về con chung: Các đương sự có hai con chung là Nguyễn Hồng A - sinh năm 2002 (Nữ), đã thành niên và Nguyễn Mạnh Đ - sinh ngày 23/10/2005 (Nam). Hiện nay, cả hai cháu đang sống cùng bà H tại số 153 ngõ T, phường T, quận H, thành phố H. Về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, nhận thấy: Tính đến thời điểm Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, cháu Nguyễn Mạnh Đ đã trên 7 tuổi nên thuộc trường hợp phải lấy ý kiến về nguyện vọng của cháu. Qua xem xét ý kiến của cháu, cháu Đ có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ đẻ là bà H. Do đó, Hội đồng xét xử thấy việc giao cháu Đ cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là hợp lý, phù hợp với nguyện vọng của đương sự, bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt của cháu. Ông M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đ cho bà H kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Đ thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn là ông Mạnh phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 24; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn M đối với bà Nguyễn Thị Hồng H.

Ông Nguyễn Văn M được ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng H.

Giấy chứng nhận kết hôn số **12** ngày 17/01/2002 do UBND phường T, quận H, thành phố H cấp cho ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Hồng H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Xác nhận ông M và bà H có 02 (hai) con chung là Nguyễn Hồng A - sinh năm 2002 (Nữ), đã thành niên và Nguyễn Mạnh Đ - sinh ngày 23/10/2005 (Nam). Sau khi ly hôn, giao cháu Đ cho bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đ cho bà H số tiền là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn*)/ tháng, kể từ tháng 9/2023 cho đến khi cháu Đ thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) ông đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/**0013663** ngày 27/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H.

Án xử công khai sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- TAND thành phố H;
- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- UBND phường T,
quận H, TP H
(Giấy CNKH số 12 ngày 17/01/2022);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hoàng P